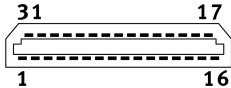


Mô đun kẹp và xoay EHMD-40-RE-GE-16

Số bộ phận: 8099502

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	40
Góc quay	vô tận
Hành trình trên mỗi hàm kẹp	15 mm
phạm vi hành trình có thể điều chỉnh trên mỗi chấu kẹp	0 mm...15 mm
Khe đảo ngược	0.8 mm
Góc bước ở bước đầy đủ	1.8 °
Bước góc đầy đủ, xoay	1.8 °
Dung sai góc bước	±5 %
Dung sai góc bước, xoay	±5 %
Số chấu kẹp	2
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cấu trúc xây dựng	Xy lanh xoay điện máy kẹp điện
Nguyên tắc vận hành	xy lanh kẹp song song điện
Cách thức hoạt động, xoay	Động cơ bước lai
Tỉ số truyền	1:1
Phát hiện vị trí	Xoay: bộ mã hóa động cơ Kẹp: Bộ mã hóa động cơ
Chức năng kẹp	Song song
Loại động cơ	Động cơ bước
Tham khảo	Xoay vòng: Chỉ mục bộ mã hóa Kẹp: Khối cử chặn cố định
Cảm biến vị trí rôto	Bộ mã hóa tăng dần
Giao diện bộ mã hóa vị trí rôto	Kênh RS422 TTL AB + chỉ số không
Cảm biến vị trí rôto Nguyên tắc đo	quang học
Tốc độ đầu ra tối đa	240 1/phút
Tốc độ tối đa	70 mm/s
Tốc độ di chuyển tham chiếu tối đa	5 mm/s
Tốc độ kẹp tối đa trên mỗi chấu kẹp	70 mm/s
Thời gian bật	100%
lớp bảo vệ cách nhiệt	B
Tiêu thụ điện tối đa	60 mA

Đặc tính	Giá trị
Mức tiêu thụ hiện tại tối đa, xoay	60 mA
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Điện áp hoạt động danh định DC, xoay	5 V
Lưu ý về dòng điện định mức của động cơ	0,5 A cho bộ truyền động kẹp
Điện áp danh định DC	24 V
Giai đoạn điện cảm quanh co trên mỗi giai đoạn riêng lẻ (không liên kết)	4 mH
Cuộn cảm pha, xoay	11 mH
Pha điện trở cuộn dây	5.6 Ohm
Pha điện trở cuộn dây, xoay	5.8 Ohm
Xung trên mỗi vòng quay	500
Xung trên mỗi vòng xoay, xoay	500
Dòng định mức mỗi pha	0.5 A
Dòng điện định mức mỗi pha, xoay	0.9 A
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 85 % không cô đặc
Mức độ bảo vệ	IP20
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...40 °C
Phạm vi lực kẹp trên mỗi hàm kẹp	3 N...14 N
Lực kẹp còn lại khi mất điện	4 N
Lực kẹp ở dòng điện danh nghĩa	14 N
Mô-men xoắn giữ động cơ	0.043 N m
Mô-men giữ động cơ, xoay	0.3 N m
Mô-men quán tính khối lượng	9E-07 kgm ²
Mô-men quán tính khối lượng, xoay	2.34E-05 kgm ²
Mô men xoắn truyền động tối đa	0.3 N m
Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh	30 N
Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh	1.5 N m
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh	1.5 N m
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh	1.5 N m
Tải trọng danh nghĩa tối đa	250 g
Nạp liệu không đổi	4.4 mm/vòng
trọng lượng sản phẩm	724 g
Cổng nối điện 1, chức năng	2x Bộ mã hóa 2x Động cơ
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Sơ đồ kết nối F1
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	31
Kiểu gắn	có rãnh đuôi én
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	PA gia cố
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa